

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng với thanh khoản cải thiện

[Hợp đồng tương lai]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

DIG, VGC

[Cập nhật công ty]

IDC, STB

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn và kết hợp mua tại hỗ trợ - bán tại kháng cự theo từng mã riêng lẻ với phần vị thế còn lại

28/06/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,138.35	+0.35
VN30	1,141.12	+0.59
HĐTL VN30F1M	1,132.40	+0.64
HNXIndex	230.25	-0.25
HNX30	436.76	-0.78
UPCoM	85.99	+0.40
USD/VND	23,548	+0.08
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.52	-3
Lãi suất qua đêm (%)	0.61	-20
Dầu (WTI, \$)	67.80	+0.15
Vàng (LME, \$)	1,910.25	-0.18



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,138.35 (+0.35%)
KLGD (triệu CP) 772.9 (+24.7%)
GTGD (triệu US\$) 761.5 (+22.0%)

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng với thanh khoản cải thiện. Khối ngoại mua ròng, tập trung tại HPG (+3.1%), VHM (-0.9%), DGW (-0.7%).

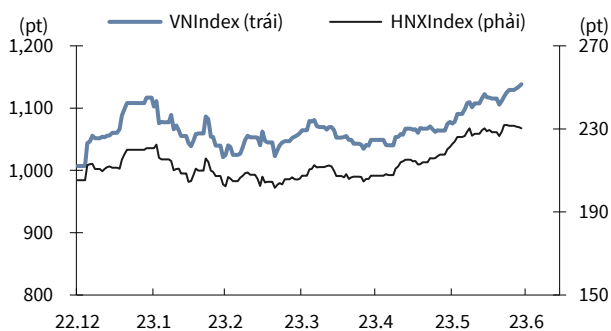
HNXIndex 230.25 (-0.25%)
KLGD (triệu CP) 77.8 (+2.9%)
GTGD (triệu US\$) 55.1 (+5.4%)

Chính phủ vừa ban hành Nghị định 41/2023/NĐ-CP quy định giảm 50% mức thuế phí trước bạ đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô được sản xuất, lắp ráp trong nước. Cổ phiếu nhóm Ô tô - Phụ tùng tăng giá ở HAX (+3.86%), SVC (+6.76%).

UPCoM 85.99 (+0.40%)
KLGD (triệu CP) 45.9 (+4.7%)
GTGD (triệu US\$) 26.3 (+13.5%)

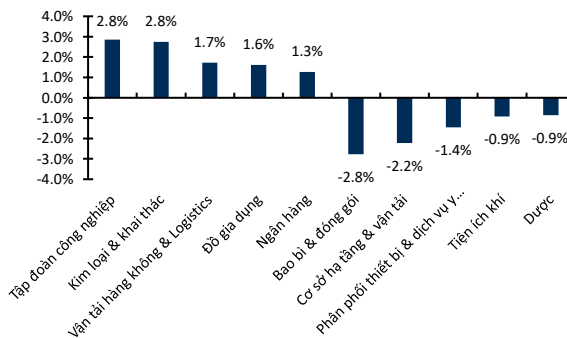
Theo Tổng cục Hải quan, tính đến hết 15/6/2023, tổng trị giá xuất khẩu của Việt Nam đạt 148.87 tỷ USD, giảm 12% tương ứng giảm 20.34 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, mặt hàng dệt may giảm 2.56 tỷ USD, tương ứng giảm 15.3% so với cùng kỳ. Cổ phiếu nhóm Dệt may tăng giá ở TNG (-1.02%), VGT (-0.76%).

VNIndex & HNXIndex



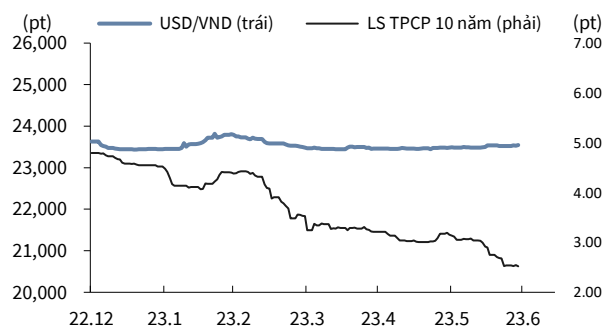
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



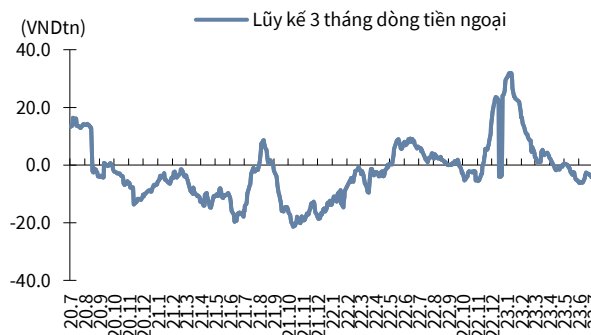
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

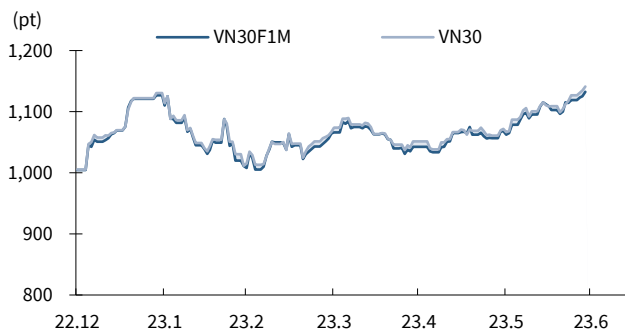
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,141.12 (+0.59%)
VN30F1M	1,132.4 (+0.64%)
Mở cửa	1,127.0
Cao nhất	1,136.0
Thấp nhất	1,126.5

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2307 và VN30 mở cửa ở mức -7.41 điểm, sau đó biến động giằng co quanh mức -7.4 điểm và đóng cửa tại -8.72 điểm. Khối lượng giao dịch không thay đổi nhiều so với phiên liền trước.

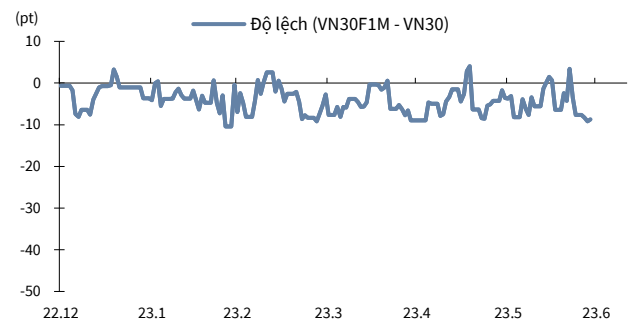
KLGD (HĐ)	140,398 (+4.7%)
------------------	------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



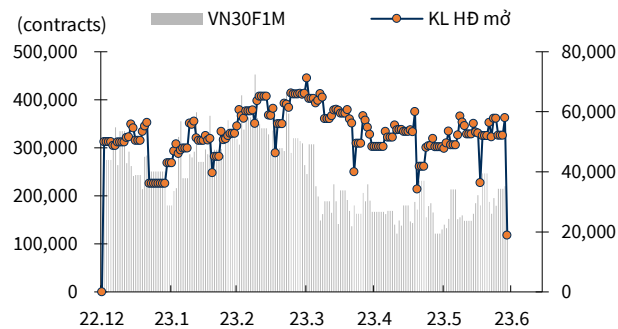
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



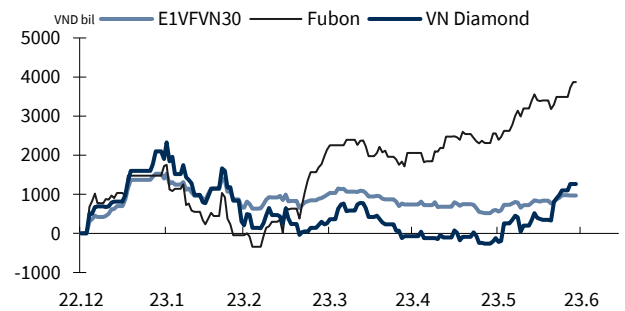
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

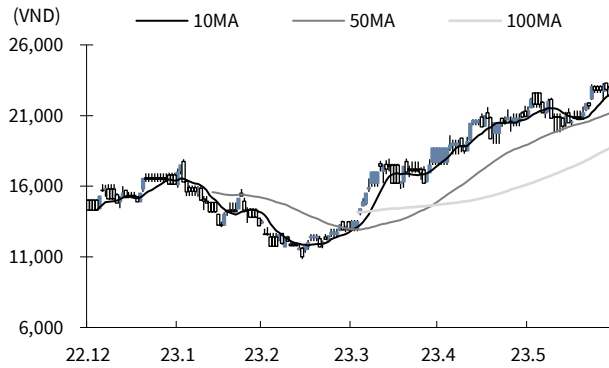
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIG)

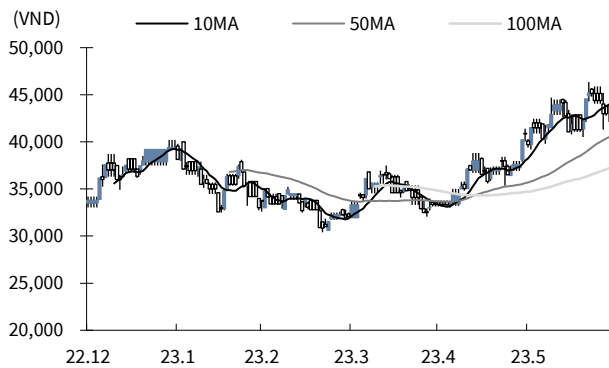


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DIG giảm 1.97% xuống 22,400VND/cp

- Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng vừa thông qua chủ trương thành lập Công ty TNHH MTV Vũng Tàu Centre Point với vốn điều lệ 300 tỷ đồng. Vũng Tàu Centre Point sẽ kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản, môi giới, xây dựng nhà ở. Trụ sở đặt tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy, sau khi Vũng Tàu Centre Point thành lập, DIC Corp sẽ sở hữu 10 công ty con, 4 công ty liên kết, 2 công ty liên doanh.

Tổng Công ty Viglacera - CTCP (VGC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VGC tăng 0.47% lên 43,200VND/cp

- Tổng công ty Viglacera vừa phê duyệt thành lập CTCP Viglacera Thái Nguyên với số vốn điều lệ 600 tỷ đồng, trong đó tổng công ty sẽ góp 306 tỷ, tương ứng 51% vốn điều lệ. Nguồn vốn lấy từ vốn tự có. Tính đến cuối quý I/2023, Viglacera sở hữu 20 công ty con trực tiếp với giá trị đầu tư là 2,432 tỷ đồng.

22/06/2023

 Chuyên viên phân tích Phạm Hoàng Bảo Nga
 ngaphb@kbsec.com.vn

Kết quả kinh doanh quý 1/2023 giảm đáng kể so với cùng kỳ

Doanh thu thuần Quý 1/2023 đạt 1,147 tỷ VND (-31%YoY), trong đó doanh thu cho thuê đất KCN đạt 207 tỷ VND giảm 73% so với mức nền cao cùng kỳ từ ghi nhận doanh thu một lần cho thuê đất KCN Phú Mỹ II và Phú Mỹ II MR. Doanh thu trong quý chủ yếu đến từ phân bổ doanh thu chưa thực hiện từ các hợp đồng cho thuê trước. Doanh thu kinh doanh điện đạt 642 tỷ VND (-4%YoY). Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 148 tỷ VND (-42%YoY).

KBSV dự báo LNST năm 2023 ước đạt 1,890 tỷ VND (+7%YoY)

KBSV dự báo trong năm 2023: (1) Diện tích KCN cho thuê mới đạt 90ha (-32%YoY) do dòng vốn FDI đang chậm lại. Doanh thu mảng KCN đạt 3,200 tỷ VND (-4%YoY) chủ yếu đến từ các hợp đồng đã ký trong năm 2022; (2) Doanh thu mảng Năng lượng đạt 3,017 tỷ VND (+5%YoY) và (3) Mảng Kinh doanh BĐS đạt 440 tỷ VND (+412%YoY) từ chuyển nhượng dự án cho Aeon. LNST của cổ đông công ty mẹ ước đạt 1,890 tỷ VND (+7%YoY).

Luận điểm đầu tư

Chúng tôi đánh giá tích cực đối với cổ phiếu IDC nhờ (1) Quỹ đất KCN lớn với diện tích cho thuê còn lại lên tới 751ha có khả năng cho thuê và tiềm năng tăng giá tốt; (2) Tỷ suất cổ tức hấp dẫn và (3) Dòng tiền ổn định từ mảng Năng lượng và BOT

Khuyến nghị MUA - Giá mục tiêu: 48,200VNĐ/cổ phiếu

Dựa trên triển vọng kinh doanh và kết quả định giá, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu IDC với giá mục tiêu là 48,200VNĐ/cổ phiếu, tương đương với mức lợi nhuận 19% so với giá đóng cửa ngày 22/06/2023.

Mua duy trì

Giá mục tiêu	48,200VNĐ
Tăng/giảm (%)	19%
	(bao gồm tỷ suất cổ tức)
Giá hiện tại (22/06/2023)	43,800VNĐ
Giá mục tiêu đồng thuận	45,300VNĐ
Vốn hóa thị trường (tỷ VND/ triệu USD)	14.4/0.6

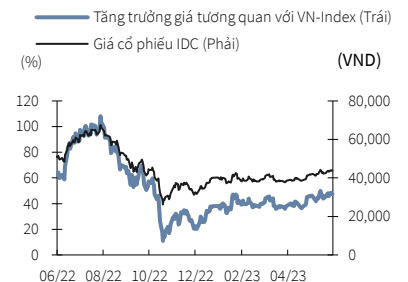
Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	63.2%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	112.8/4.8
Sở hữu nước ngoài (%)	3.8%
Cổ đông lớn	SSG Group (22.5%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	5	12	22	32
Tương đối	-1	4	13	0

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2021	2022	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VND)	4,301	7,485	7,887	8,398
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	717	2,561	2,587	2,791
Lợi nhuận của CD công ty mẹ (tỷ VND)	454	1,768	1,890	2,038
EPS (VNĐ)	1,498	5,305	5,728	6,174
Tăng trưởng EPS (%)	-48	254	8	8
P/E (x)	29.43	8.31	7.66	7.11
P/B (x)	3.39	2.94	3.42	3.53
ROE (%)	11	40	34	37
Tỷ suất cổ tức (%)	7%	9%	9%	9%

Nguồn: Báo cáo doanh nghiệp, KB Securities Vietnam



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

22/06/2023

 Trưởng nhóm Nguyễn Anh Tùng
 tungna@kbsec.com.vn

1Q2023, LNTT đạt 2,383 tỷ VND, tăng 49.9% YoY

1Q2023, STB có thu nhập lãi thuần đạt 5,837 tỷ VND (-3.4% QoQ, +113.1% YoY); thu nhập ngoài lãi đạt 964 tỷ VND (-46.1% QoQ, -59.6% YoY) khiến TOI đạt 6,800 tỷ VND (-13.2% QoQ, +32.7% YoY). Chi phí trích lập dự phòng duy trì mức vừa phải, đạt 1,002 tỷ VND (-69.5% QoQ, +42.2% YoY) khiến LNTT đạt 2,383 tỷ VND (+25.5% QoQ, +49.9% YoY).

Tăng trưởng tín dụng kế hoạch 2023 là 12.1%

Tăng trưởng tín dụng của STB trong 1Q2023 đạt 2.1%, hoàn thành 17.3% Ytd so với kế hoạch đề ra trong ĐHCĐ là ~ 12.1% cho cả năm 2023. KBSV đánh giá STB có đủ khả năng hoàn thành kế hoạch dựa trên: (1) Các động thái giảm lãi suất điều hành (2) Thanh khoản được cải thiện nhờ tăng trưởng huy động thị trường 1 ở mức cao trong 1Q2023.

Trích lập 100% giá trị trái phiếu VAMC trong năm 2023 là kế hoạch khả thi

Tại đại hội cổ đông thường niên 2023, STB cho biết sẽ cố gắng trích lập 100% giá trị trái phiếu VAMC trong năm nay. Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt hơn so với mặt bằng chung thị trường, áp lực trích lập vừa phải tạo cho STB có đủ dư địa lợi nhuận để thực hiện trích lập cho trái phiếu VAMC như kế hoạch đề ra.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 35,300 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu STB. Giá mục tiêu cho năm 2023 là 35,300VND/cp, cao hơn 17.8% so với giá tại ngày 22/06/2023.

MUA Duyệt

Giá mục tiêu VND35,300

Tăng/Giảm	17.8%
Giá hiện tại (26/06/2023)	VND30,000
Giá mục tiêu đồng thuận	VND36,152
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND/tỷ USD)	56,556/2.44

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	93.37
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	470.8/19.9
Sở hữu nước ngoài (%)	26.02
Cơ cấu cổ đông	Nhóm quỹ ngoại Dragon Capital (6.0%)

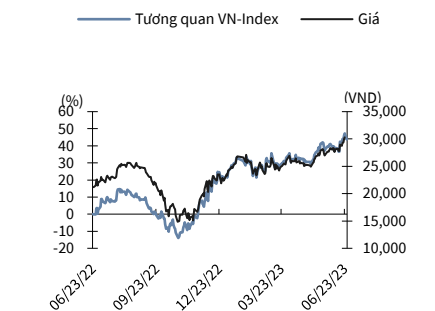
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	7	11	35	39
Tương đối	2	6	20	44

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2021	2022	2023F	2024F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	11,964	17,147	22,984	24,105
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	7,954	15,221	18,314	19,559
LNST (tỷ VND)	3,411	5,041	7,129	12,425
EPS (VND)	1,810	2,674	3,782	6,591
Tăng trưởng EPS (%)	27%	48%	41%	74%
PER (x)	16.6	11.2	7.9	4.6
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	18,174	20,489	24,271	30,863
PBR (x)	1.65	1.46	1.24	0.97
ROE (%)	10.8%	13.8%	16.9%	23.9%
Tỷ lệ cổ tức (%)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%

Nguồn: Fiinpro, KBSV

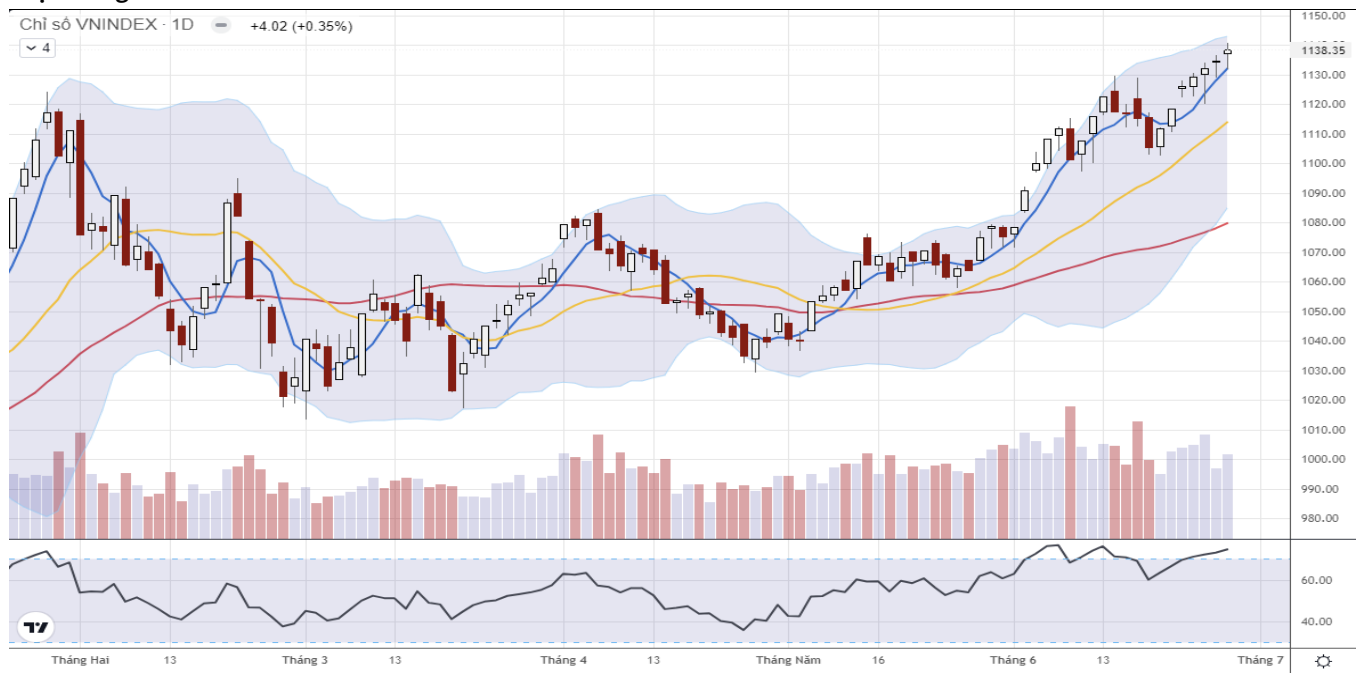


Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

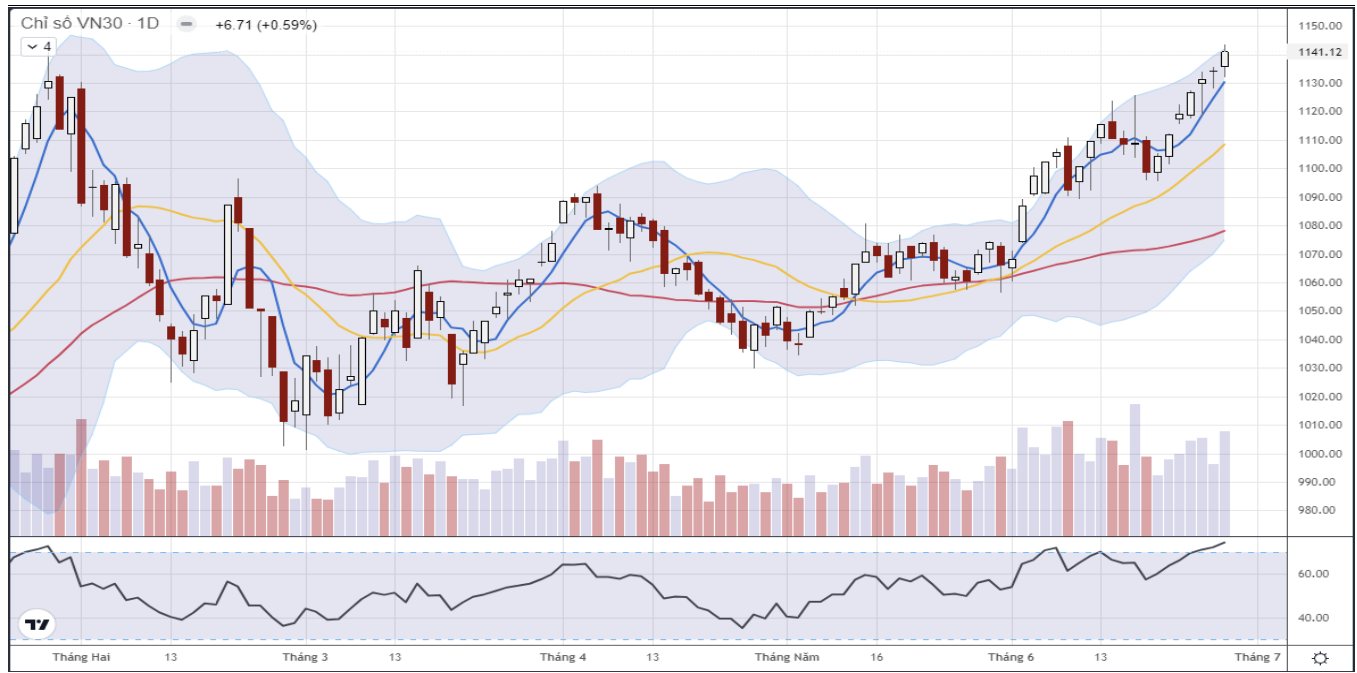
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



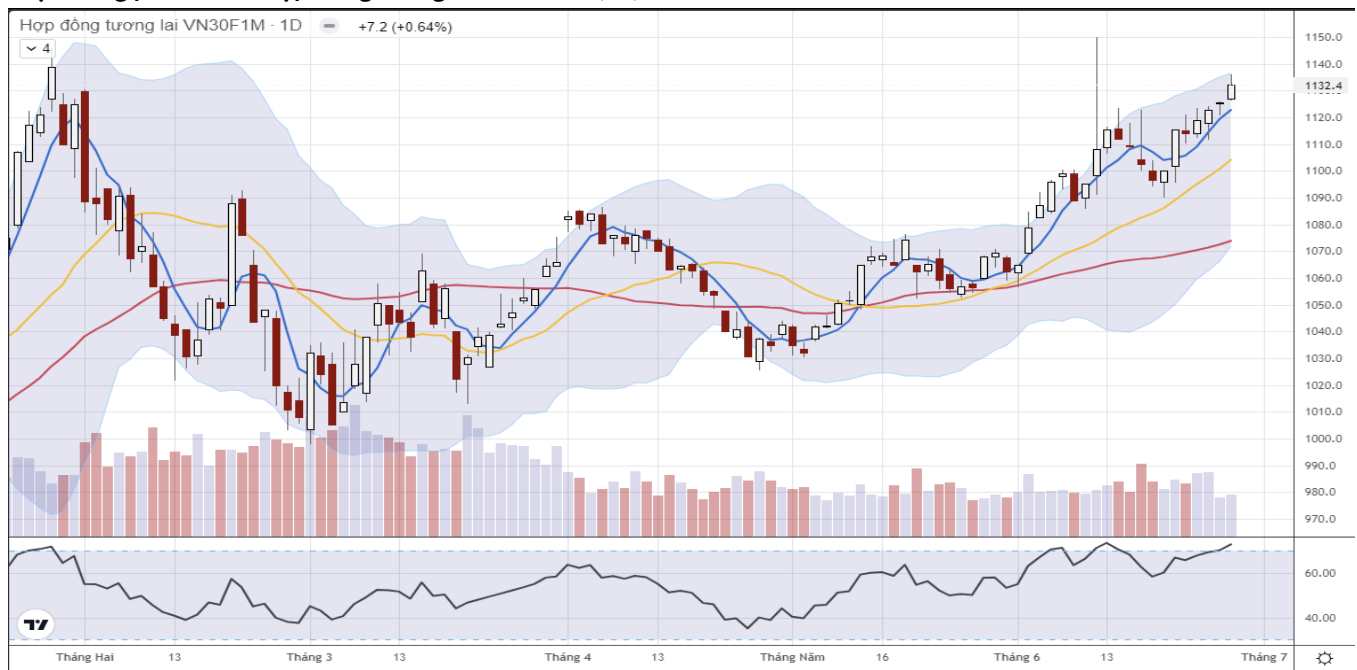
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex giảm điểm nhẹ trong phiên trước khi dần hồi phục và đảo chiều tăng điểm về cuối phiên.
- Lực mua chủ động gia tăng quanh ngưỡng hỗ trợ gần 1130 đã giúp cho chỉ số hồi phục trở lại sau một nhịp rung lắc giằng co. Trong kịch bản tích cực, VNIndex đang có nhiều cơ hội mở rộng đà tăng điểm và tiếp tục hướng lên vùng đích kỳ vọng quanh 114x.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn và kết hợp mua tại hỗ trợ - bán tại kháng cự theo từng mã riêng lẻ với phần vị thế còn lại.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1138 – 1140

Kháng cự gần: 1133 – 1135

Hỗ trợ gần: 1125 – 1127

Hỗ trợ xa: 1119 – 1121

- F1 giảm điểm nhẹ trong phiên trước khi dần hồi phục và đảo chiều tăng điểm về cuối phiên.
- Lực mua chủ động gia tăng quanh ngưỡng hỗ trợ gần 1120 đã giúp cho chỉ số hồi phục trở lại sau một nhịp rung lắc giằng co. Trong kịch bản tích cực, F1 đang có nhiều cơ hội mở rộng đà tăng điểm và tiếp tục hướng lên vùng đích kỳ vọng quanh 113x.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, LONG tại hỗ trợ, SHORT tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Linh hoạt trading hai chiều, LONG tại hỗ trợ, SHORT tại kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

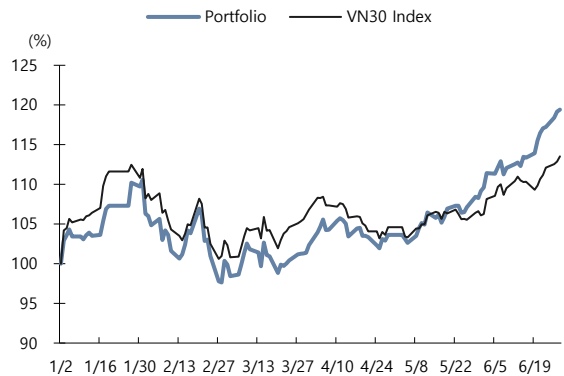
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.59%	0.21%
Tăng lũy kế (YTD)	13.52%	19.41%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 28/06/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	43,900	-0.7%	13.6%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	26,550	-0.2%	26.7%	- Tiếp tục giữ vị trí dự nợ cho vay kỳ quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	74,800	-0.9%	30.1%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	18,450	0.3%	4.8%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	21,900	1.9%	28.1%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	87,000	-0.3%	258.6%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	30,000	2.2%	58.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	95,400	-0.9%	30.0%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	26,600	3.1%	138.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	29,600	-2.3%	188.1%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	3.1%	25.1%	241.5
VHM	-0.9%	24.3%	17.9
DGW	-0.7%	23.1%	13.8
CTG	2.2%	27.1%	12.6
FRT	-0.9%	32.2%	11.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
STB	1.0%	26.0%	-71.2
NLG	-0.2%	44.5%	-40.4
KBC	-2.3%	19.7%	-40.0
BID	2.4%	17.2%	-31.3
VRE	-0.6%	32.8%	-21.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	-1.5%	7.5%	41.2
VCS	0.8%	2.8%	2.6
TNG	-1.0%	18.1%	2.2
IDC	-1.1%	1.1%	0.6
PVI	1.2%	59.7%	0.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-0.3%	20.8%	-1.9
BVS	-0.4%	5.8%	-1.0
NVB	-0.7%	8.5%	-0.7
DP3	2.8%	0.0%	-0.6
INN	1.7%	4.6%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Kim loại & khai thác	7.4%	HPG, HSG, NKG, KSB
Giấy & lâm sản	6.7%	DHC, HAP, HHP, VID
Vận tải hàng không & Logistics	6.3%	TMS, SCS, STG, ASG
Hàng hải	6.3%	VSC, VOS, SKG, VTO
Phụ tùng oto	5.4%	DRC, CSM, PAC, TNC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-4.8%	TLG, ILB, APC, ST8
Bao bì & đóng gói	-3.7%	TDP, SVI, MCP, TPC
Thương mại & phân phối	-3.4%	VPG, TSC, BTT, TNA
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-1.8%	TNH, JVC, VMD
Sản phẩm xây dựng	-0.8%	VGC, BMP, SHI, DAG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Kim loại & khai thác	24.7%	HPG, HSG, NKG, KSB
Hàng hải	20.1%	VSC, VOS, SKG, VTO
Hóa chất	16.2%	GVR, DGC, DPM, DCM
Sản phẩm xây dựng	16.1%	VGC, BMP, SHI, DAG
Bán lẻ hàng chuyên dụng	15.8%	MWG, FRT, CTF, HAX

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-2.6%	AST, VNG, DSN, DAH
Hàng không dân dụng	-2.0%	VJC, HVN
Tiện ích điện	-1.5%	PGV, NT2, PPC, TTA
Phụ tùng oto	-0.8%	DRC, CSM, PAC, TNC
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-0.6%	TNH, JVC, VMD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	100,460 (4.3)	22.5	70.4	64.4	14.7	2.5	2.7	1.8	1.7	-0.4	-0.4	0.4	-3.0
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	92,636 (3.9)	26.6	7.9	7.3	35.9	19.2	17.6	1.4	1.2	-0.9	1.5	0.7	15.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	97,872 (4.2)	17.8	15.7	14.1	-7.6	11.0	11.9	1.7	1.6	-0.5	1.9	-1.4	3.8
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	540,333 (23.0)	31.3	-	-	6.7	-1.8	-3.4	0.8	0.9	4.0	7.6	20.5	11.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	77,020 (3.3)	11.6	23.9	16.6	13.7	8.1	11.3	1.8	1.7	-0.2	2.8	5.5	18.7
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	293,915 (12.5)	13.9	37.9	28.6	-	2.8	3.6	-	-	-1.0	1.3	7.6	22.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	86,979 (3.7)	6.3	14.4	12.7	11.7	22.3	20.2	2.8	2.4	1.1	1.1	9.9	26.4
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	49,473 (2.1)	12.7	12.7	9.4	-5.3	20.3	20.6	2.0	1.6	2.4	4.5	4.5	17.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	150,769 (6.4)	0.0	6.0	5.1	14.3	15.9	15.9	0.9	0.8	1.1	2.5	11.4	28.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	148,772 (6.3)	1.4	8.8	7.3	50.3	16.0	17.6	1.2	1.0	2.2	2.9	7.9	10.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	303,945 (12.9)	0.0	9.8	7.1	18.8	11.6	14.0	1.2	1.0	0.7	3.1	5.7	13.1
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	244,142 (10.4)	0.0	5.1	4.3	14.6	22.2	20.7	1.0	0.8	3.0	4.3	12.2	21.1
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	44,452 (1.9)	4.2	5.1	4.8	23.3	22.9	20.4	1.1	0.9	0.3	0.5	-3.8	17.6
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	451,325 (19.2)	14.0	7.9	4.6	26.5	18.9	24.8	1.2	1.0	1.0	1.7	9.9	32.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	135,605 (5.8)	0.0	4.9	4.3	37.4	20.0	19.6	1.0	0.8	0.3	0.3	8.6	22.0
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	169,254 (7.2)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	0.2	-0.2	6.4	-10.7
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	41,171 (1.8)	21.0	16.2	14.8	15.8	10.0	10.3	1.6	1.5	-0.3	2.3	3.7	-3.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	6,819 (0.3)	14.2	-	-	9.1	13.7	-	-	-	-1.8	2.9	3.4	14.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	511,348 (21.8)	55.4	15.3	13.6	-3.2	11.3	11.9	1.6	1.4	-0.2	2.1	17.7	50.0
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	183,270 (7.8)	71.9	16.2	14.3	-4.0	15.0	15.6	2.3	2.1	1.2	0.8	11.8	63.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	187,486 (8.0)	52.4	17.8	16.3	-19.0	10.3	10.2	1.7	1.6	0.9	1.9	10.0	45.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	679,837 (28.9)	27.2	14.0	13.9	36.3	12.2	11.5	1.6	1.6	-0.5	-1.0	22.6	44.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	300,000 (12.8)	42.1	16.6	15.3	4.0	29.0	31.2	4.5	4.4	0.1	6.5	5.2	-7.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	21,639 (0.9)	36.9	20.9	18.8	7.3	21.6	22.2	3.9	4.0	0.2	-0.2	-0.5	-7.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	99,728 (4.2)	16.5	32.7	16.3	-51.9	8.0	12.9	3.8	2.9	-0.9	1.2	6.9	-17.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	16,038 (0.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.0	0.3	2.1	-6.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	69,177 (2.9)	11.0	82.0	44.5	-88.5	5.9	11.2	-	-	-0.3	1.0	-3.3	-13.3
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	42,577 (1.8)	10.8	10.4	16.5	-57.0	24.8	12.1	1.9	1.7	-0.4	1.7	6.3	16.1
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	204,722 (8.7)	38.4	14.7	12.0	65.7	2.4	3.8	0.9	0.9	-2.6	-2.1	6.4	42.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	440,885 (18.8)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-2.0	-3.9	30.0	57.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	43,510 (1.9)	3.6	25.4	21.4	-52.4	2.5	2.8	-	-	0.7	2.4	8.3	110.6
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	61,704 (2.6)	0.0	11.4	10.9	-4.5	15.9	15.3	1.6	1.5	3.8	3.0	6.0	4.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	59,884 (2.5)	46.1	16.5	15.7	-17.5	19.0	18.2	2.9	2.7	-0.9	-0.4	1.8	-6.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	19,387 (0.8)	31.4	12.5	10.6	-10.5	14.4	19.8	2.0	2.0	-0.5	1.4	-3.8	9.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	4,915 (0.2)	34.1	14.9	6.1	-5.1	6.9	15.7	-	-	0.0	-0.6	4.9	27.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	548,429 (23.3)	18.0	18.0	12.2	21.9	9.2	11.7	1.5	1.3	3.1	8.1	26.1	47.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	97,104 (4.1)	36.5	9.3	10.6	-0.5	11.9	11.0	1.0	1.0	1.4	7.2	13.0	-17.1
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	115,643 (4.9)	46.5	12.2	9.0	-4.5	10.8	15.5	1.4	1.3	0.7	6.5	14.8	2.3
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	299,960 (12.8)	38.9	-	14.3	67.9	-0.7	6.7	0.9	0.8	-0.6	0.9	12.7	49.8
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	66,642 (2.8)	97.2	15.5	13.2	17.2	6.2	7.2	-	-	0.0	0.5	0.9	61.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	27,951 (1.2)	4.6	15.6	13.2	-51.0	12.9	13.4	1.9	1.8	-0.1	1.6	1.2	20.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	133,764 (5.7)	39.9	31.2	13.1	-11.9	5.1	7.7	0.9	0.9	-0.6	-1.2	3.1	37.8
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	71,708 (3.1)	35.9	8.2	7.1	2.2	14.8	15.0	1.1	1.0	0.7	6.7	9.3	4.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	160,832 (6.8)	0.0	23.4	13.0	14.4	10.7	17.4	2.6	2.2	-0.7	2.8	14.9	2.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	54,296 (2.3)	0.0	14.1	11.4	2.4	20.3	22.6	2.5	2.2	-0.9	2.7	3.9	-16.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,823 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.7	0.7	17.6	57.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	65,812 (2.8)	30.3	77.5	22.1	-75.2	-	16.1	4.1	3.4	-0.9	1.9	24.1	13.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	34,557 (1.5)	34.6	11.0	11.0	41.2	17.6	15.8	1.8	1.6	0.6	-0.4	3.8	21.2
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	5,781 (0.2)	45.4	13.8	12.8	10.7	25.6	24.6	3.5	2.9	-1.1	7.2	17.7	55.2
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	78,958 (3.4)	0.0	16.1	13.2	15.5	27.5	28.0	3.9	3.3	-0.3	1.4	4.7	13.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.